

# Những vấn đề cốt yếu của Ngữ âm học và Âm vị học

Nguyễn Huy Kỳ\*

*Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội,  
Đường Quang Hàm, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 14 tháng 02 năm 2008

**Tóm tắt.** Sau khi tổng hợp, phân tích và khẳng định những nội dung cơ bản có liên quan, bài *Những vấn đề cốt yếu của Ngữ âm học và Âm vị học* chủ yếu đề cập đến giá trị ngôn ngữ của lĩnh vực này trong quá trình giảng dạy, kiểm tra đánh giá ngoại ngữ nói chung, tiếng Anh nói riêng ở Việt Nam. Nếu quan tâm hơn nữa đến những đơn vị đoạn tính (như nguyên âm, phụ âm), các đơn vị siêu đoạn tính (như trọng âm, nhịp điệu, ngữ điệu...) và kiểm tra đánh giá ngoại ngữ, thì chắc chắn rằng trong một thời gian không xa, chất lượng dạy - học ngoại ngữ của chúng ta sẽ có hiệu quả tốt hơn, đáp ứng được yêu cầu của ngành, của đất nước trong xu thế hội nhập và giao lưu quốc tế hiện nay.

## 1. Đặt vấn đề

Mới đọc qua tựa đề *Những vấn đề cốt yếu của Ngữ âm học và Âm vị học* thì tưởng như đơn giản, “xưa như trái đất”, nhưng thực chất, để hiểu biết đầy đủ và cơ bản về vấn đề đã nêu lại không đơn giản chút nào. Bởi vì, nó đòi hỏi người nghiên cứu phải có kiến thức chắc chắn không những về ngôn ngữ học mà còn về các ngành khoa học có liên quan, có hiểu biết và sử dụng được một ngôn ngữ nào đó để minh họa hoặc làm sáng tỏ vấn đề cần nghiên cứu. Đó chính là vấn đề vừa trừu tượng, vừa cụ thể về Ngữ âm học (*Phonetics*) và Âm vị học (*Phonology*) theo quan niệm, quan điểm, cách tiếp cận khác nhau, đặc biệt là giá trị của chúng trong quá trình dạy - học, kiểm tra đánh giá (KTĐG) ngoại ngữ nói chung, tiếng Anh nói riêng.

## 2. Một số nội dung cốt yếu của Ngữ âm học và Âm vị học

Cách phát âm (*pronunciation*) của một ngôn ngữ luôn được nghiên cứu dưới 2 bình diện Ngữ âm học và Âm vị học [1-7]. Mặc dù 2 ngành này đều nghiên cứu âm thanh, nhưng giữa chúng có một số điểm khác biệt cơ bản như sau:

### 2.1. Ngữ âm học

Ngữ âm học có tính phổ niệm (*universal*). Do đó, một trong những nghiên cứu chủ yếu trong lĩnh vực này là các thuộc tính âm thanh có tính chất loài. Ngoài ra, Ngữ âm học còn quan tâm đến việc nghiên cứu các âm tố (*speech sounds*) - là những đơn vị âm thanh cụ thể của ngôn ngữ, có tính vô hạn vì mỗi âm tố được phát âm không bao giờ giống nhau, mặc dù do cùng một người thể hiện. Ngữ âm học không những nghiên cứu quá trình tạo sản âm thanh (*speech production*), mà còn nghiên cứu quá trình thẩm nhận âm thanh

\* ĐT: 84-4-8341848

E-mail: Century\_6868@yahoo.com

(*sound perception*) cũng như quá trình truyền âm thanh (*transmission of sounds*). Về phương diện ghi âm Ngữ âm học, bao giờ người ta cũng ghi âm các âm tố trong ngoặc vuông [...] và kèm theo các đặc trưng như tròn môi, quặt lưỡi, ngạc hoá... Về mặt tiềm năng, Ngữ âm học không thể nghiên cứu tiến trình lịch sử của âm thanh vì dung lượng âm thanh của thế giới là đồng nhất. Do vậy, về lĩnh vực ngữ âm, không có Ngữ âm học văn minh hay Ngữ âm học lạc hậu, không có hệ thống ngữ âm tối ưu hay không tối ưu. Ngữ âm học mang tính quốc tế và thuộc về ngành của khoa học tự nhiên, sử dụng các phương tiện nghiên cứu của khoa học tự nhiên. Nói đến Ngữ âm học, người ta nói đến 3 ngành có liên quan nhưng có sự phân biệt tương đối rõ ràng [2-6]. Đó là Ngữ âm học cấu âm (*Articulatory phonetics*), Ngữ âm học âm học (*Acoustic phonetics*) và Ngữ âm học thính âm (*Auditory phonetics*). Nếu Ngữ âm học cấu âm chuyên nghiên cứu cách thức các cơ quan cấu âm được sử dụng để tạo âm, thì Ngữ âm học chuyên nghiên cứu các đặc tính vật lý của âm, còn Ngữ âm học thính âm lại chủ yếu nghiên cứu độ thính âm người nghe có thể nhận biết được.

## 2.2. Âm vị học

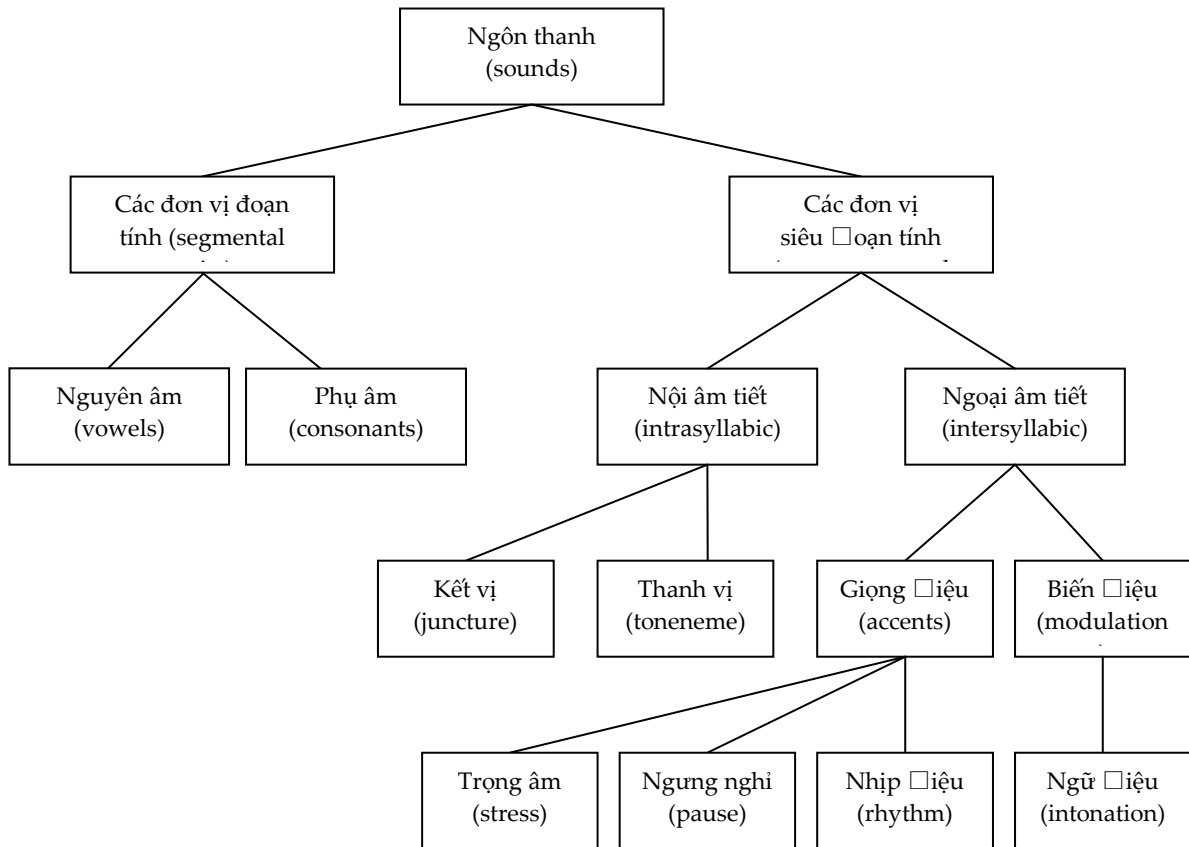
Âm vị học nghiên cứu âm thanh của một cộng đồng người cụ thể, một ngôn ngữ cụ thể. Đối tượng nghiên cứu của Âm vị học là các âm vị (*phonemes*). Đó là những đơn vị âm thanh nhỏ nhất của ngôn ngữ, có tính hữu hạn, trừu tượng, nhưng có giá trị phân biệt giữa từ này và từ khác. Ví dụ trong tiếng Anh, từ "sip" (nhấp nháp, uống từng hớp) khác với từ "zip" (cài hoặc mở bằng khoá kéo) do có sự khác biệt về nội dung Âm vị

học giữa /s/ và /z/. Hơn thế nữa, ghi âm Âm vị học [4-6]; [8-10] cũng có cách thể hiện đặc thù của mình. Đó là mỗi âm vị bao giờ cũng được biểu hiện bằng con chữ in thường (không phải con chữ in hoa hoặc chữ viết thông thường) trong 2 gạch chéo như /s/ và /z/ đã nêu. Tận dụng các nội dung của Ngữ âm học, Âm vị học nghiên cứu bản chất tín hiệu ngôn thanh trong một bối cảnh giao tiếp cụ thể của một cộng đồng người cụ thể. Do đó, người ta có thể nói rằng, Âm vị học mang tính dân tộc hoặc chủng tộc. Ngoài ra, Âm vị học còn nghiên cứu về tiến trình của một ngôn ngữ, mỗi âm vị trong một ngôn ngữ cụ thể. Đó cũng là kết quả của những giao thoa văn hoá của các tộc người khác nhau đang diễn ra trong lịch sử. Vậy, Âm vị học là Âm vị học của lịch sử tiến hoá. Đằng sau mỗi âm vị là lịch sử của một dân tộc; đằng sau mỗi âm tố không có tính lịch sử nào hết bởi nó chỉ có tác dụng phân biệt âm thanh của từng cá thể mà thôi. Âm vị học hình dung hệ thống âm thanh của một ngôn ngữ như sau:

- Danh sách các âm vị của ngôn ngữ đang xem xét (bao giờ cũng hữu hạn).

- Quan hệ của các âm vị ấy trong việc cấu thành hệ thống âm thanh của một ngôn ngữ.

Danh sách âm vị là sự liệt kê các đơn vị âm thanh có chức năng khu biệt nghĩa của một ngôn ngữ. Danh sách các âm vị ấy chỉ có giá trị trong một ngôn ngữ, và hệ thống âm thanh ấy có thể được chia thành các đơn vị chiết đoạn (*segmental units*), và các đơn vị thượng chiết đoạn hoặc các đơn vị siêu chiết đoạn (*suprasegmental units*). Chúng ta có thể hình dung hệ thống âm thanh của một ngôn ngữ nào đó, chẳng hạn như tiếng Anh, trong sơ đồ như sau:



Theo sơ đồ trên, chúng ta thấy rằng, các đơn vị chiết đoạn lại tiếp tục được chia ra thành các đơn vị mang thuộc tính nguyên âm (*vowels*) và phụ âm (*consonants*). Các đơn vị thượng chiết đoạn hoặc siêu đoạn tính thì tùy thuộc vào giá trị chức năng của đơn vị ấy nằm trong hay ngoài âm tiết mà được chia thành các đơn vị khác nhau (*prosodemes*).

**3. Các thể đối lập âm vị học (*phonological oppositions*)**

Theo các nhà ngôn ngữ học gào cội [4-7] cho đến nay, có 3 loại thể đối lập âm vị học

/t/ =	+ Phụ âm ( <i>consonant</i> ) + Âm bật ( <i>stop</i> ) + Âm răng ( <i>dental</i> ) + Vô thanh ( <i>voiceless</i> )
	-----
	Nội dung Âm vị học của /t/

khác nhau vì còn tùy thuộc vào mối tương quan của các nét khu biệt có trong nội dung âm vị học (*phonological content*). Đó là thể đối lập có/không (*privative opposition*), thể đối lập thành bậc (*gradual opposition*) và thể đối lập đẳng trị (*equipolent opposition*).

3.1. Thể đối lập có/không là một trong các thể đối lập mạnh trong Âm vị học vì nó được tạo nên bởi sự hiện diện hay vắng mặt của một nét khu biệt nào đó, ví dụ:

/d/ =	+ Phụ âm ( <i>consonant</i> ) + Âm bật ( <i>stop</i> ) + Âm răng ( <i>dental</i> ) + Hữu thanh ( <i>voiced</i> )
	-----
	Nội dung Âm vị học của /d/

Nhìn vào nội dung Âm vị học của /t/ và /d/, ta thấy đối lập có/không ở đây là vô thanh/hữu thanh. Tương tự như vậy, chúng ta có thể thấy thấy đối lập có/không ở /p/, /b/; /f/, /v/; /s/, /z/; /k/, /g/.

3.2. Đối lập thành bậc là đối lập âm vị học mà thuộc tính đang quan tâm được thể hiện ở

Vị trí lưỡi; Độ cao của lưỡi	Nguyên âm hàng trước (front vowels)	Nguyên âm hơi lùi sau (front-retracted vowels)	Nguyên âm trung tâm (central vowels)	Nguyên âm hàng sau hơi trước (back advanced-vowels)	Nguyên âm hàng sau (back vowels)
Nguyên âm đóng/cao (close/high vowels)	i:	i		u	u:
Nguyên âm có độ mở trung bình (mid-open vowels)	e		ɜ:		ɔ:
Nguyên âm mở/thấp (open/ low vowels)	æ		ʌ	a:	ɔ

Nếu quan sát bảng nguyên âm của hệ thống âm vị nguyên âm tiếng Anh nêu trên, chúng ta dễ dàng nhận thấy một kiểu thể đối lập thành bậc như cao, trung bình, thấp hoặc trước, giữa, sau...

3.3. Đối lập đẳng trị là kiểu đối lập mà giữa 2 về không có điểm nào tương đồng ngoài một điểm chung duy nhất vì đều là các âm vị của một ngôn ngữ, chẳng hạn như:

/p/ = + phụ âm      /h/ = + phụ âm  
 + Âm bật (stop)      + âm xát (fricative)  
 + Âm môi môi (bilabial) + âm thanh môn (glottal)

+ Vô thanh (voiceless) + hữu thanh (voiced)  
 Nhìn vào nội dung âm vị học của /p/ và /h/ chúng ta thấy rằng 2 âm vị này hầu như chẳng có đặc điểm gì tương đồng ngoài tính phụ âm giữa chúng. Đối lập đẳng trị này không giúp người nghiên cứu khai thác được gì về cấu trúc ngoài sự khai thác về nghĩa bởi âm vị /p/ khác /h/ làm cho từ "pot" (nồi, ấm) khác với từ "hot" (nóng).

các về đối lập theo những mức độ khác nhau. Thế đối lập thành bậc thường được dùng trong các tiểu hệ thống nguyên âm của các ngôn ngữ. Hệ thống âm vị nguyên âm trong tiếng Anh sau đây là một trong những ví dụ minh họa của chúng tôi:

Trong 3 loại đối lập trên, loại đối lập có/không thường có giá trị thiết lập tính hệ thống, làm cho hệ thống chặt chẽ hơn. Đối lập thành bậc lại hay gặp trong các tiểu hệ thống nguyên âm hoặc trong các hiện tượng ngữ âm thể hiện tính liên tục của tự nhiên. Khái niệm đối lập thành bậc hiện nay dần trở thành tập mờ (fuzzy set) trong ngữ dụng học (pragmatics), ngữ nghĩa - cú pháp và ngữ pháp chức năng.

#### 4. Giá trị của Ngữ âm học và Âm vị học trong quá trình dạy - học, KTĐG ngoại ngữ

Trước hết, tác giả bài viết này xin khẳng định rằng trong quá trình nghiên cứu, nghiên cứu viên có thể đi sâu vào một trong 2 lĩnh vực Âm vị học hoặc Ngữ âm học vì mục đích nghiên cứu của mình. Nhưng, trong quá trình dạy - học, KTĐG, quan niệm của chúng tôi là không nên tách biệt mà chỉ nên phân biệt 1 trong 2 vấn đề vừa nêu nếu thấy cần

thiết bởi mục tiêu giáo dục của chúng ta là rất rõ ràng, đó là tăng tính thực hành, giảm thiểu tính hàn lâm. Do đó, trong khi trình bày những nội dung có liên quan, người viết bài này luôn nhất quán với quan niệm đã nêu.

#### 4.1. Trong quá trình dạy - học ngoại ngữ

Theo quan sát, nhận xét, đánh giá của chúng tôi (bằng khảo sát sư phạm và điều tra điền dã), do hiểu biết rõ ràng, tương đối hệ thống về Ngữ âm học và Âm vị học nên trong quá trình dạy - học ngoại ngữ, chẳng hạn tiếng Anh, nhiều giáo viên đã biết dạy nội dung gì, đến mức độ nào và luyện tập ra sao cho phù hợp với đối tượng, với chương trình. Theo quan niệm của chúng tôi, giáo viên không nên dạy thuần túy lý thuyết về những nội dung vốn rất khó và trừu tượng của Ngữ âm học và Âm vị học tiếng Anh, trừ khi đó là chuyên đề dành cho sinh viên chuyên Anh văn hoặc các nghiên cứu viên. Do vậy, khi đề cập đến những vấn đề về các đơn vị đoạn tính/chiết đoạn như nguyên âm và phụ âm tiếng Anh (*English vowels and consonants*) thì chỉ nên giới hạn trong khuôn khổ hệ thống âm vị tiếng Anh (12 nguyên âm đơn, 8 nguyên âm đôi và 24 phụ âm) và những nội dung âm vị học cơ bản của chúng (như vô thanh, hữu thanh, tắc, xát, bật...). Vấn đề cơ bản là người học phải nhận thức được rằng các âm vị luôn tồn tại ở thể đối lập (thể đối lập có/không, thể đối lập thành bậc, đối lập đẳng trị) mà chúng tôi đã trình bày ở mục 3 của bài viết này, chẳng hạn /t/ và /d/ chỉ phân biệt nhau ở nội dung âm vị học vô thanh/hữu thanh khi chúng ở thể đối lập có/không (xin xem 3.1). Nếu không thể hiện được tính vô thanh/hữu thanh thì không thể phân biệt được /t/ với /d/ trong các từ kiểu như "two" (số 2) "do" (làm)... Còn khi đề cập đến những vấn đề về các đơn vị siêu đoạn tính/thượng chiết đoạn, chắc chắn rằng chúng ta phải nói đến trọng âm (*stress*) (bao

gồm trọng âm từ (*word stress*), trọng âm ngữ đoạn (*phrase stress*), trọng âm câu (*sentence stress*), nhịp điệu (*rhythm*) và ngữ điệu (*intonation*)... bởi đó là những đơn vị siêu đoạn tính có ảnh hưởng rất nhiều đến biểu thái, làm nổi bật thông tin, ngữ nghĩa, giúp phân định từ loại... trong quá trình diễn ngôn, hành chức qua từng ngôn cảnh, tình huống cụ thể [1,2]; [8-15], ví dụ:

*'Insult* (danh từ, trọng âm rơi vào âm tiết đầu): Sự lăng mạ.

*In'sult* (động từ, trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai): Lăng mạ.

*She is writing a report* (Cô ta đang viết bản báo cáo).

Thông thường, trọng âm rơi vào thực từ (là từ có ý nghĩa từ vựng), cụ thể trong phát ngôn này trọng âm rơi vào *'writing* và *re'port*. Nhưng nếu vì mục đích nhấn mạnh thông tin trong giao tiếp thì chủ ngôn có thể nhấn âm vào bất cứ từ nào (trong trường hợp này là trọng âm câu) trong phát ngôn, với điều kiện phải tuân theo quy tắc trọng âm từ bởi lẽ trong tiếng Anh, trọng âm từ luôn cố định vào một âm tiết nào đó của từ; và cách nhấn mạnh âm để âm tiết được nhấn luôn cao hơn, mạnh hơn, dài hơn (những) âm tiết khác. Do đó, phát ngôn *She is writing a report* có thể được nhấn mạnh để biểu đạt ý nghĩa như sau:

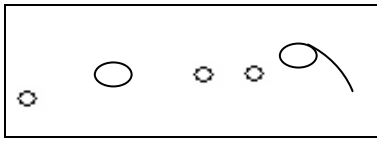
- Nhấn vào *'She* để thông báo rằng "cô ta" chứ không phải ai khác.

- Nhấn vào *'writing* để thông báo rằng "đang viết" chứ không phải đang làm gì khác.

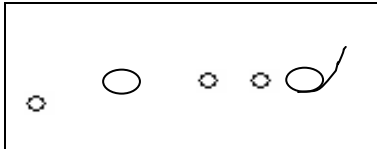
- Nhấn vào *re'port* để thông báo rằng "báo cáo" chứ không phải cái gì khác.

Hơn thế nữa, chủ ngôn còn phải lưu ý đến nhịp điệu (mỗi đơn vị nhịp điệu luôn có 1 âm tiết mang trọng âm) bởi vì nếu sai nhịp điệu thì nhóm ngữ nghĩa dễ bị phá vỡ (khiến người tiếp thụ phát ngôn khó hiểu hoặc không thể hiểu dụng ý của chủ ngôn); và ngữ điệu vì nếu sử dụng không đúng ngữ điệu thì phát ngôn có thể bị hiểu sai, hoặc khó hiểu, ví dụ:

*He wrote a report.* (1) (Anh ấy đã viết báo cáo)



*He wrote a report?* (2) (Anh ấy đã viết báo cáo à /ư/ hả/ có phải không?)



Mặc dù vẫn cùng là một phát ngôn (vì từ vựng và trật tự từ không thay đổi), nhưng *He wrote a report* đã được hiểu thành (1) (phát ngôn khẳng định, ngữ điệu xuống (falling intonation) và (2) (phát ngôn nghi vấn, ngữ điệu lên (rising intonation)). Lí do chính ở đây là ngữ điệu vì nếu chủ thể phát ngôn không hiểu rõ ràng về ngữ điệu tiếng Anh thì điều này thường xuyên xảy ra, một hiện tượng phổ biến ở người Việt nói tiếng Anh [8-10]; [13-15].

Do vậy, trong quá trình dạy - học tiếng Anh, ngoài việc bồi dưỡng, nâng cao kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo chương trình quy định và các kĩ năng ngôn ngữ như nghe hiểu, diễn đạt nói, đọc

hiểu, diễn đạt viết, giáo viên Anh văn cần lưu ý bồi dưỡng, luyện tập khả năng thực hành các nội dung cơ bản như tác giả bài viết đã nêu trong tiểu mục 4.1.

#### 4.2. Trong quá trình KTĐG ngoại ngữ

Như mọi người từng nói, KTĐG như thế nào thì dạy - học như thế. Điều này quả không sai, nhưng chưa đủ, bởi tính đặc thù của sinh ngữ (living language) là phải được sử dụng thường xuyên qua các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết - cho dù tỉ trọng dành cho mỗi kĩ năng ngôn ngữ vừa nêu có thể khác nhau vì mục đích sử dụng ngôn ngữ cho phù hợp trong từng ngành nghề là không như nhau. Nhưng theo quan niệm nhất quán của chúng tôi, KTĐG ngoại ngữ - cụ thể là tiếng Anh - phải góp phần kiểm tra đánh giá được quá trình học của trò và tác động tích cực đến quá trình dạy của thầy thì mới mang lại hiệu quả đích thực như mong muốn. Thực tế KTĐG môn Anh văn trong những năm qua đã phần nào điều chỉnh được ý thức và cách nhìn nhận của cả thầy - trò trong quá trình dạy - học. Chúng ta có thể thấy được sự thay đổi này trong cấu trúc một vài đề thi tiếng Anh dưới đây:

##### 4.2.1

Năm học	Cấu trúc đề thi tốt nghiệp Trung học Cơ sở (Theo đề thi chính thức của Sở GD - ĐT Hà Nội)					
2000 - 2001	Kĩ năng ngôn ngữ (Language skills)			Kiến thức ngôn ngữ (Language components) (Thực hành)		
	Nghe - Nói dưới dạng viết (%)	Đọc hiểu (%)	Kĩ năng viết (%)	Ngữ âm (%)	Từ vựng (%)	Ngữ pháp (%)
	10	30	20	0	0	40
	60			40		
2001 - 2002	Kĩ năng ngôn ngữ (Language skills)			Kiến thức ngôn ngữ (Language components) (Thực hành)		
	Nghe - Nói dưới dạng viết (%)	Đọc hiểu (%)	Kĩ năng viết (%)	Ngữ âm (%)	Từ vựng (%)	Ngữ pháp (%)
	10	40	20	0	0	30
	70			30		

4.2.2

Năm học	Cấu trúc đề thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông (Theo đề thi chính thức của Bộ GD và ĐT)					
2000 - 2001	Kĩ năng ngôn ngữ (Language skills)			Kiến thức ngôn ngữ (Language components) (Thực hành)		
	Nghe - Nói dưới dạng viết (%)	Đọc hiểu (%)	Kĩ năng viết (%)	Ngữ âm (%)	Từ vựng (%)	Ngữ pháp (%)
	0	25	20	0	15	40
	45			55		
2001 - 2002	Kĩ năng ngôn ngữ (Language skills)			Kiến thức ngôn ngữ (Language components) (Thực hành)		
	Nghe - Nói dưới dạng viết (%)	Đọc hiểu (%)	Kĩ năng viết (%)	Ngữ âm (%)	Từ vựng (%)	Ngữ pháp (%)
	0	25	20	0	15	40
	45			55		

4.2.3

Năm học	Cấu trúc đề thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông (Hệ 7 năm) (Theo kiểu trắc nghiệm khách quan) (Theo đề thi chính thức của Bộ GD và ĐT)					
2007 - 2008	Kĩ năng ngôn ngữ (Language skills)			Kiến thức ngôn ngữ (Language components) (Thực hành)		
	Nghe - Nói dưới dạng viết (%)	Đọc hiểu (%)	Kĩ năng viết (%)	Ngữ âm (%)	Từ vựng (%)	Ngữ pháp (%)
	0	30	0	10	50	10
	30			70		

4.2.4

Năm học	Cấu trúc đề thi Tuyển sinh Đại học, Cao đẳng Môn thi tiếng Anh, Khối D (Theo kiểu trắc nghiệm khách quan) (Theo đề thi chính thức của Bộ GD và ĐT)					
2007 - 2008	Kĩ năng ngôn ngữ (Language skills)			Kiến thức ngôn ngữ (Language components) (Thực hành)		
	Nghe - Nói dưới dạng viết (%)	Đọc hiểu (%)	Kĩ năng viết (%)	Ngữ âm (%)	Từ vựng (%)	Ngữ pháp (%)
	0	30	0	10	50	10
	30			70		

Nếu nghiên cứu kỹ lưỡng các cấu trúc đề thi môn tiếng Anh qua những tiểu mục 4.2.1, 4.2.2, 4.2.3 và 4.2.4 thì chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy sự thay đổi về tỉ trọng và nội dung KTĐG - không những vẫn theo hướng thực hành, mà còn đặc biệt lưu ý đến lĩnh vực Ngữ âm học và Âm vị học (lần lượt từ 0%, 0% đến 10%, 10%), là lĩnh vực đang được tác giả quan tâm trong khuôn khổ bài báo này. Mặc dù đó mới chỉ là bước đầu nhưng đã góp phần quan trọng trong việc điều chỉnh cách dạy - học, KTĐG tiếng Anh vốn lâu nay “đã bỏ quên” phân ngôn thanh không thể thiếu - dù mới chỉ được thể hiện dưới dạng viết - trong thực hành giao tiếp có

ý thức để khẩu ngữ và bút ngữ chiếm tỉ trọng tương đương. Đây chính là một trong những phần trọng yếu tạo nên sự khác biệt trong dạy - học, KTĐG ngoại ngữ nói chung, tiếng Anh nói riêng mà chúng ta đang hướng tới, cho dù là kiểu kiểm tra tự luận hay trắc nghiệm khách quan, hoặc vừa tự luận vừa trắc nghiệm khách quan theo một tỉ trọng nào đó.

Từ thống kê mang tính so sánh đối chiếu trong lĩnh vực Ngữ âm học và Âm vị học thông qua các cấu trúc trong một số đề thi môn tiếng Anh, chúng tôi mong muốn được đưa ra cấu trúc đề thi môn tiếng Anh để tham khảo như sau:

Cấu trúc đề thi môn tiếng Anh (Đề tham khảo)					
Kĩ năng ngôn ngữ (Language skills)			Kiến thức ngôn ngữ (Language components) (Thực hành)		
Nghe - Nói dưới dạng viết (%)	Đọc hiểu (%)	Kĩ năng viết (%)	Ngữ âm (%)	Từ vựng (%)	Ngữ pháp (%)
20	20	20	10	15	15
60			40		
100% = 10/10 điểm (theo thang điểm chuẩn 10/10)					

Nếu theo trọng số và cấu trúc đề thi này thì lĩnh vực ngữ âm thường có các vấn đề sau đáng được quan tâm, KTĐG và chọn lựa để đạt được 10% tổng số điểm bài thi theo thiết kế cụ thể. Đó là các đơn vị chiết đoạn như nguyên âm, phụ âm và các đơn vị siêu đoạn tính như trọng âm (trọng âm từ, trọng âm ngữ đoạn, trọng âm câu), nhịp điệu và ngữ điệu... bởi đó là những đơn vị có ảnh hưởng rất nhiều đến quá trình hình thành và phát triển khẩu ngữ.

Trong tiểu mục này, điều chúng tôi mong muốn là nhấn mạnh đến một số giá trị cần yếu của Ngữ âm học và Âm vị học trong quá trình dạy - học, KTĐG ngoại ngữ - cụ thể là tiếng Anh - một trong những ngoại ngữ rất phổ biến ở Việt Nam hiện nay.

## 5. Kết luận

5.1. Với bài viết này, tác giả hi vọng sẽ có thể góp phần khẳng định và nhấn mạnh tầm quan trọng của Ngữ âm học và Âm vị học, không những trong lĩnh vực thuần túy nghiên cứu mà cả trong lĩnh vực giảng dạy, bởi đó mới là điều cốt yếu trong ngôn ngữ học ứng dụng mà các giáo viên, giảng viên và các nhà quản lý giáo dục cần hướng tới.

5.2. Có thể quan niệm và quan điểm khoa học giữa các tác giả còn chưa tương đồng về một vài vấn đề nào đó khi nhìn nhận Ngữ âm học và Âm vị học, nhưng tác giả bài viết không



lấy đó làm mục đích tranh luận, mà luôn coi đó là những đóng góp, tiếng nói khoa học khác nhau khi cùng bàn về một vấn đề rất khó và trừu tượng như đã đặt ra trong bài viết này. Đó cũng chính là một trong các cách tiếp cận, phát triển vấn đề mà tác giả bài báo *Những vấn đề cốt yếu của Ngữ âm học và Âm vị học* đặt ra.

5.3. Nếu giải quyết tốt những vấn đề cốt yếu về nguyên âm, phụ âm; trọng âm, nhịp điệu, ngữ điệu... trong cùng một loạt nội dung có liên quan khác mà tác giả chưa thể nêu ra trong bài báo, thì chắc chắn rằng quá trình dạy - học, KTĐG ngoại ngữ nói chung, tiếng Anh nói riêng sẽ ngày càng hiệu quả hơn.

5.4. Vì giá trị của Ngữ âm học và Âm vị học trong quá trình dạy - học, KTĐG ngoại ngữ nên chúng tôi hi vọng rằng sẽ có sự điều chỉnh phù hợp không những trong giảng dạy mà ngay cả trong KTĐG. Do đó, mối quan hệ giữa dạy - học, KTĐG sẽ ngày càng khăng khít hơn bởi KTĐG sẽ tác động tích cực đến quá trình dạy - học.

5.5. Giảng dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng với những nội dung cơ bản của Ngữ âm học và Âm vị học như chúng tôi đã trình bày trong bài viết này không những có tính khả thi trong môi trường phi bản ngữ ở Việt Nam, mà còn phù hợp với xu hướng giảng dạy ngoại ngữ hiện nay trên thế giới, trong đó có những nước tương tự như Việt Nam.

## Tài liệu tham khảo

- [1] J.C. Catford, *Fundamental Problems in Phonetics*, Edinburgh University Press, 1977.
- [2] H.J. Giegerich, *English Phonology: an Introduction*, Cambridge University Press, 2000.
- [3] J. Jenkins, *The Phonology of English as an International Language: New Models, New Norms, New Goals*, Oxford University Press, 2000.
- [4] J. Laver, *Principles of Phonetics*, Cambridge University Press, 1995.
- [5] W. O'Grady, M. Dobrovolsky, F. Kantamba, *Contemporary Linguistics: an Introduction*, Longman Limited, 1996.
- [6] M.C. Pennington, *Phonology in English Language Teaching: an International Approach*, Longman, 1996.
- [7] P. Roach, *English Phonetics and Phonology*, Cambridge University Press, 1983.
- [8] Nguyễn Huy Kỳ, Ngữ điệu Anh - Ngữ điệu Việt, nhìn từ góc độ ngôn ngữ học đối chiếu, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội* tập XVI, số 3 (2000) 9.
- [9] Nguyễn Huy Kỳ, Tìm hiểu một số quan hệ cơ bản giữa ngữ điệu và các phương tiện khác có liên quan, *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống* số 1, số 2, (2007) 72.
- [10] Nguyễn Huy Kỳ, Ngữ điệu tiếng Anh ở người Việt, *Tạp chí Ngôn ngữ* số 8 (2007) 69.
- [11] D. Brazil, *Pronunciation for Advanced Learners of English*, Cambridge University Press, 2000.
- [12] D. Byrne, *Teaching Oral English*, Longman, 1986.
- [13] Nguyễn Huy Kỳ, Trọng âm từ, xuất phát điểm của việc nghiên cứu nhịp điệu tiếng Anh, *Tạp chí Ngôn ngữ* số 13 (2002) 42.
- [14] Nguyễn Huy Kỳ, Ngữ điệu tiếng Anh và các chức năng, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội* tập XX, số 4 (2004) 36.
- [15] Nguyễn Huy Kỳ, *Ngữ điệu tiếng Anh ở người Việt (English Intonation by the Vietnamese)* (sách chuyên luận), NXB Văn hoá - Thông tin, 2006.

## The essential matters of Phonetics and Phonology

Nguyen Huy Ky

*Hanoi Teacher Training College,  
Duong Quang Ham, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

After having synthesized, analyzed and affirmed the fundamental contents which are related, my article - *The essential matters of Phonetics and Phonology* - essentially deals with some linguistic values of the field in the process of teaching, testing foreign languages in general, the English language in particular in Vietnam. If more attentions should be paid to segmental units (such as vowels, consonants), suprasegmental units (such as stress, rhythm, intonation...) and testing - evaluating foreign languages, it is certain that within a short period of time to come, our teaching - learning quality will become more effective, which will meet the demands of our career, our country in the trend to international integration and exchanges nowadays.